

Bản án số: 38/2024/HNGĐ- ST

Ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Sinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập

Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:**

Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H2, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

*2 Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H2 trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H1, có được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký kết hôn ngày 05/6/2007. Cưới xong chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng, đến tháng 3/2012 vợ chồng chị về làm ăn ở tại đất của bố mẹ chị ở thôn G, xã T. Quá trình làm ăn và chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh H1 không tôn trọng chị, không quan tâm đến chị, và không tin tưởng chị, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Tháng 9/2018 chị đi lao động tại Đài Loan, tháng 01/2024 chị về nước và về nhà mẹ đẻ ở, anh H1 có đến đón chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Đến

nay chị H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 25/7/2008 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/11/2009, hiện nay cháu N đang ở cùng chị, cháu Đ ở cùng anh H1, ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu N, để anh H1 được tiếp tục nuôi cháu Đ cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H2 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Thị H2, có được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, đăng ký kết hôn ngày 05/6/2007. Cưới xong chị H2 về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh, đến tháng 3/2012 mẹ vợ cho vợ chồng đất nên vợ chồng anh lên làm quán bán hàng và ở tại đất của nhà mẹ vợ, đến khoảng năm 2016 chị H2 đi làm công ty, anh đi làm thợ xây nên không bán hàng nữa, đến tháng 9/2018 chị H2 đi lao động tại Đài Loan, tháng 01/2024 chị H2 về nước, chị không về ở cùng anh tại nhà bố mẹ anh, anh có đón chị H2 về đoàn tụ nhưng chị H2 không về. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị chị H2 suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị H2 không về đoàn tụ thì anh đành phải chịu.

Về con chung: Như chị H2 trình bày là đúng, nếu ly hôn anh đề nghị được cháu Đ để chị H2 nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Quá trình giải quyết vụ án anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh H1 đề nghị nếu chị H2 kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng.

Lời khai cháu Nguyễn Thị Minh N trình bày: Cháu thấy bố mẹ cháu mâu thuẫn từ khoảng 8 năm trở lại đây khi đó cháu còn bé, theo cháu là do bố cháu hay đi uống rượu, không quan tâm đến gia đình những lần say rượu bố cháu hay có những câu nói gây tổn thương đến mẹ cháu. Khoảng năm 2018 mẹ cháu đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, thời gian đầu cháu ở nhà ông bà ngoại, khoảng năm 2019 cháu về ở cùng bố cháu và ông bà nội, đến năm 2020 cháu lại lên ở nhà ông bà ngoại ở cho đến nay. Cuối năm 2023 mẹ cháu về nước và ở cùng cháu tại nhà ông bà ngoại. Nếu bố mẹ cháu mà ly hôn, nguyện vọng của cháu chỉ mong muốn được ở cùng mẹ cháu.

Lời khai cháu Nguyễn Minh Đ trình bày: Cháu thấy bố mẹ cháu mâu thuẫn

từ khoảng 8 năm trở lại đây khi đó cháu còn bé, theo cháu là do bố cháu hay đi uống rượu, không quan tâm đến gia đình những lần say rượu bố cháu hay có những câu nói gây tổn thương đến mẹ cháu. Khoảng năm 2018 mẹ cháu đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, thời gian đầu cháu ở nhà ông bà ngoại, khoảng năm 2019 cháu về ở cùng bố cháu và ông bà nội. Cuối năm 2023 mẹ cháu về nước và ở cùng chị Ngọc tại nhà ông bà ngoại, khoảng tháng 02/2024 cháu cũng lên ở cùng mẹ và chị Ngọc tại nhà ông bà ngoại, bố cháu chỉ lên chơi, không đón mẹ con cháu về ở cùng. Nếu bố mẹ cháu mà ly hôn, nguyện vọng của cháu chỉ mong muốn được ở cùng bố cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H2. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị H2 trực tiếp nuôi cháu N, giao cho anh H1 được nuôi cháu Đ; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản đề nghị giải quyết bằng vụ án khác. Về án phí chị H2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Bùi Thị H2 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H1, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 05/4/2024 chị Bùi Thị H2 có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn H1. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị H2 và anh Nguyễn Văn H1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị H2 và anh H1 có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, chị H2 đi lao động tại Đài Loan khi về nước chị không về đoàn tụ cùng anh H1 mà về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 01/2024 đến nay, hai gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Đến nay chị H2 xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh H1. Anh H1 mong muốn chị H2 về đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì. Xác minh tại địa phương xã B thể hiện vợ chồng sang ở và làm ăn tại xã T, đến năm 2018 chị H2 đi lao động tại Đài Loan, đầu năm 2024 chị H2 về nước nhưng không về gia đình anh H1. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị H2 xin ly hôn là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Bùi Thị H2 được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Xét đề nghị của chị H2, anh H1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu N đang ở cùng chị H2 và ở cùng bà ngoại từ năm 2020 đến nay, cháu Đ đang ở cùng anh H1 tại nhà ông bà nội. Cháu N có nguyện vọng ở cùng chị H2, cháu Đ có nguyện vọng ở với anh H1, như vậy chị H2 đề nghị được tiếp tục nuôi cháu N để anh H1 nuôi cháu Đ là phù hợp. Tại phiên tòa anh H1 đồng ý để chị H2 nuôi cháu N, anh H1 nuôi cháu Đ. Sự thỏa thuận của anh H1 chị H2 là phù hợp pháp luật cũng là phù hợp nguyện vọng của cháu N và cháu Đ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh H1, chị H2, giao cháu Ngọc cho chị H2 được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh H1 nuôi dưỡng. Chị H2, anh H1 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất canh tác: Chị H2 không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa anh H1 đề nghị giải quyết về tài sản, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích và hướng dẫn anh H1 về yêu cầu giải quyết về tài sản nhưng anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy tại phiên tòa này Tòa án không giải quyết về tài sản cho anh H1. Anh H1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị H2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H2 được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 25/7/2008 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/11/2009, cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Chị H2, anh H1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con (Hiện nay cháu cháu N đang ở cùng chị H2, cháu Đ đang ở cùng anh H1). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H2 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00000195 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị H2 đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H2, anh H1 có mặt có quyền kháng cáo bản án.

### ***Nơi nhận:***

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Sinh**

